

Bản án số: 50/2022/HS-ST
Ngày 14-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lại Hữu Tâm.

Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Hồ Ngọc H, sinh năm 1987 tại Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: ấp H, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hồ Văn L và bà Bùi Thị T; bị cáo có vợ và 01 người con sinh 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa;

** Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bị hại: Bà Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh năm 1996 - (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.2.1. Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1989 - (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Ông Võ Văn C, sinh năm 1977 - (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.3. Bà Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1979 - (*vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp B, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 50 phút ngày 22/11/2020, khi Hồ Ngọc H đang nằm trên võng trước nhà địa chỉ B11/347C, ấp 2, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy ông Phạm Minh T1 (là bạn trai của bà Nguyễn Thị Huỳnh T) điều khiển xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 của T dựng trước nhà rồi đi vào bên trong ngủ nhưng không khóa cổ xe. Lúc này, H nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 mang đi cầm cho ông Võ Văn C để trả 6.000.000 đồng mà H đã mượn của C trước đó. Sau khi H quan sát thấy mọi người trong nhà đã ngủ, H đẩy xe mô tô qua nhà C, địa chỉ D3/101/5 ấp 4, xã Đa Phước để cầm cố nhưng không gặp Chí, nên H nói với bà Nguyễn Thị Kim E (vợ của C) cho H gửi lại xe mô tô và dặn khi nào C về thì gọi điện báo cho H. Trên đường đi về nhà, H gặp T1 đang đi tìm xe mô tô và hỏi H có biết xe mô tô ở đâu không thì H trả lời không biết. T1 đến Công an xã Đa Phước trình báo sự việc.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, E gọi điện báo H biết Chí đang ở nhà nên H đến nhà và kêu Chí cầm xe mô tô trên để H trả nợ cho C nhưng do xe mô tô không có giấy tờ nên C không đồng ý. Lúc này, H nói với C cho gửi lại xe mô tô để H đi về nhà lấy tiền rồi sẽ quay lại lấy xe mô tô, C đồng ý. Khi về nhà, H giả vờ nói với T1 và T có người gọi điện thoại kêu chuộc xe mô tô với giá 6.000.000 đồng với điều kiện là không được báo Công an và H kêu T đưa tiền để H đi chuộc xe, T nghe vậy nên đồng ý và đưa 6.000.000 đồng cho T1. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô biển số 66P1 – 797.92 chở H đi chuộc xe mô tô. Trên đường đi, H sợ T1 biết H lấy xe mô tô của T nên kêu T1 dừng xe, quay về nhà lấy chìa khóa xe mô tô, còn H đi bộ đến chỗ chuộc xe, T1 đồng ý và đưa 6.000.000 đồng cho H. Khi T1 điều khiển xe mô tô quay về nhà, H đi bộ qua nhà Chí để trả 6.000.000 đồng, rồi dẫn bộ xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 đến trường Mầm non Ngọc Lan thì gặp T1 nên H đưa xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 của T cho T1 điều khiển, còn H điều khiển xe mô tô biển số 66P1 – 797.92 về nhà. Sau khi về đến nhà, T1 nghi ngờ H liên quan đến việc xe T bị mất trộm nên đến Công an xã Đa Phước trình báo. Công an xã mời H đến trụ sở làm việc, H khai nhận hành vi lấy trộm xe mô tô của T. Sau khi C biết sự việc, C đến Công an xã giao nộp 6.000.000 đồng của H đã trả cho C. Công an xã lập hồ sơ ban đầu, chuyển đối tượng cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 3442/KL-HĐĐGTS ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 trị giá 27.075.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59Y3 – 201.91. Qua xác minh, nguồn gốc xe mô tô trên do Nguyễn Thị Huỳnh T đứng tên chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã trả xe mô tô trên lại cho bị hại T.

- 12 (mười hai) tờ polime mệnh giá 500.000 đồng (6.000.000 đồng): Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã trả lại cho bị hại T.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu bạc thu giữ của Hồ Ngọc H (số seri FTHSR1SLGRWF), Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh tạm giữ, chờ xử lý.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị Huỳnh T đã nhận lại xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 và 6.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường Thiệt hại. Ông Phạm Minh T1 cũng không có yêu cầu gì .

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hồ Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ghi nhận bị hại và ông T1 không có yêu cầu bồi Tệt hại; ghi nhận Công an đã trả lại xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59Y3 – 201.91 cho bà Nguyễn Thị Huỳnh T; giao trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu bạc.

Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Ngọc H khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy, lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đủ cơ sở xác định bị cáo Hồ Ngọc H đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 của bà

Nguyễn Thị Huỳnh T địa chỉ B11/347C, ấp 2, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh 22/11/2020.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị 27.075.000 đồng.

[3] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Hồ Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, an toàn trật tự tại địa pH. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoản thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xE xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án là:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59Y3 – 201.91 và 6.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã giao trả lại cho bị hại T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu bạc (số seri FTHSR1SLGRWF) thu giữ của bị cáo Hồ Ngọc H, xét không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên giao trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Huỳnh T đã nhận lại xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 và 6.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ông Phạm Minh T1 cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với hành vi bị cáo H kêu T đưa 6.000.000 đồng để chuộc chiếc xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91, sau khi nhận được 6.000.000 đồng H mang chiếc xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 về trả cho T. Quá trình điều tra xác định không đủ căn cứ cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xử lý đối với H là có căn cứ pháp luật.

[10] Đối với ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Kim E do không biết nguồn gốc xe mô tô biển số 59Y3 – 201.91 do H mang gửi tại nhà của mình và không biết nguồn gốc 6.000.000 đồng H trả cho Chí do đâu mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xử lý đối với ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Kim E là có căn cứ pháp luật.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như giải quyết phần dân sự và vật chứng. Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất vì không tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo.

Hội đồng xét xử xét không chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo vì không có căn cứ pháp luật.

[12] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc H 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Giao trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu bạc (số seri FTHSR1SLGRWF) (vật chứng trên Chi cục T hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/3/2022 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

Ghi nhận việc bị hại Nguyễn Thị Huỳnh T và ông Phạm Minh T1 không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh (2);
- Công an huyện Bình Chánh (1);
- Chi cục T hành án dân sự huyện Bình Chánh (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TPHCM (1);
- Sở tư pháp TPHCM (1);
- Trại tạm giam T30 (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại, đương sự (4);
- Lưu hs (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thường Đông

